TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Nguyễn Thanh Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1981; cư trú tại ấp P, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn Đề, sinh năm 1973; cư trú tại ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2018 của chị Trần Thị Mỹ T và quá trình tố tụng tại Tòa án chị T trình bày: Chị và anh Võ Văn Đ tự nguyện kết hôn vào

năm 2000, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống, bản thân anh Đ không lo lắng đến cuộc sống gia đình, thường hay nghị kỵ và không tin tưởng đối với chị làm cho cuộc sống không hạnh phúc và tự sống riêng với nhau, xét thấy không đảm bảo hạnh phúc nên chị cương quyết xin ly hôn cùng anh Đ.

Thời gian chung sống chị và anh Đ có hai người con chung gồm Võ Vũ Kh, sinh năm 2001 đang ở cùng anh Đ và Võ Vũ Đ, sinh năm 2008 đang ở cùng chị, sau khi ly hôn các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chị không yêu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 22 tháng 10 năm 2018 của anh Võ Văn Đ xác định: Anh và chị Trần Thị Mỹ T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau theo như lời chị T trình bày. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý, về phần hai người con chung như chị T xác định có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác kể cả phần tài sản.

Đối với Võ Vũ Kh có nguyện vọng ở cùng anh Đ, còn Võ Vũ Đ có nguyện vọng ở cùng chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T ly hôn với anh Đ, giao con tên Kh cho anh Đ nuôi và giao con tên Đ cho chị T nuôi, không cấp dưỡng, tài sản không xem xét giải quyết. Buộc chị T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ T được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Võ Văn Đ có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ T và anh Võ Văn Đ được xác lập vào năm 2000 và đến năm 2013 đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng, thường không tin tưởng lẫn nhau và đã kéo dài nhiều năm không giải quyết được. Hiện tại, anh chị mỗi người sống một nơi, thời gian ngày càng kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa diệu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, trong khi đó chị T và anh Đ đều thống nhất ly hôn với nhau. Xét thấy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống chị T và anh Đ có hai người con chung, sau khi ly hôn anh Đ và chị T đều thống nhất con theo ai người đó nuôi, thực tế Võ Vũ Kh có nguyện vọng ở cùng anh Đ và Võ Vũ Đ có nguyện vọng ở cùng chị T. Như vậy, các đương sự đã có sự thỏa thuận trong việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận giao con tên Võ Vũ Kh cho anh Đ nuôi và Võ Vũ Đ cho chị T nuôi theo nguyện vọng của các con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

Anh Đ và chị T đều có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí chị Trang đã nộp.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát trong việc giải quyết vụ án là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử vắng mặt anh Võ Văn Đ.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

Về nuôi con chung: Anh Đ được nuôi con tên Võ Vũ Kh đang ở cùng anh và chị T được nuôi con tên Võ Vũ Đ đang ở cùng chị T, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Anh Đ và chị T có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không đươc lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của nhau.

Về chia tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng , chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005418 ngày 04/10/2018 được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải